



jí xìng

即兴

adjective · impromptu, improvisational

Example Sentences

tā jí xìng biǎo yǎn le yī duàn wǔ dǎo
他即兴表演了一段舞蹈。

He gave an impromptu dance performance.

zhè gè xiào huà shì tā jí xìng biān de
这个笑话是他即兴编的。

This joke was made up by him on the spot.

Trace each character, then write the word on your own.

即	即	即	即	即	即	即	即	即	即
兴	兴	兴	兴	兴	兴	兴	兴	兴	兴